

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường về công khai tại nhà trường;

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.
2. Thông tin được công khai phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 06).

Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Theo Biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 08).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Kết quả kiểm toán (nếu có)

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-KTNN ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán nhà nước ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

e) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

f) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

g) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường:
<http://thnguyenvanbanh.hcm.edu.vn>
- Công khai trên phần mềm hệ thống Enetviet.
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp Cha mẹ học sinh.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023-2024 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.
- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức:
- + Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên website của nhà trường.

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường:

2.1. Hiệu trưởng:

- Tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản.

Hình thức: niêm yết tại trường, họp Chi bộ, họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm.

Thời điểm công khai: tháng 8.

Đối tượng công khai: đảng viên chi bộ; viên chức-người lao động.

- Công khai kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm.

Thời điểm công khai: đầu năm học.

Đối tượng công khai: viên chức-người lao động; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.2. Phó Hiệu trưởng chuyên môn:

- Chỉ đạo nhân viên văn thư – học vụ hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 5, 6, 7, 8.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm.

Thời điểm công khai: tháng 6 đến tháng 8.

Đối tượng công khai: viên chức-người lao động; học sinh; cha mẹ học sinh.

- Công khai kết quả xếp loại học sinh HK1, HK2 và kết quả kiểm tra lại.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Cha mẹ học sinh.

Thời điểm công khai: sau mỗi đợt xét duyệt kết quả của học sinh.

Đối tượng công khai: viên chức-người lao động; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.3. Phó Hiệu trưởng Hành chính – Quản trị:

- Chỉ đạo nhân viên phụ trách CSVC và thiết bị hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 11.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm.

Thời điểm công khai: tháng 6 đến tháng 8 hàng năm

Đối tượng công khai: viên chức-người lao động; học sinh; cha mẹ học sinh.

- Công khai sửa chữa Cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

Hình thức: niêm yết tại trường, họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm.

Thời điểm công khai: sau mỗi đợt sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

Đối tượng công khai: viên chức-người lao động.

- Công khai kết quả Kiểm định cơ sở giáo dục

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm.

Thời điểm công khai: sau khi có kết quả công nhận.

Đối tượng công khai: viên chức-người lao động; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.4. Kế toán:

a. Nội dung công khai:

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.

- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi).

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

b. Hình thức: niêm yết tại trường, họp Cha mẹ học sinh (đối với học phí và các khoản thu khác từ người học, chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh).

c. Thời điểm công khai: hàng tháng, hàng quý và cuối năm học

d. Đối tượng công khai: viên chức-người lao động; học sinh; cha mẹ học sinh.

3. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân:

- Giám sát các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

- Lập biên bản giám sát và lưu trong hồ sơ của Ban Thanh tra nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023-2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh theo Thông tư Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- CBQL;
- Ban TTND;
- Dán TB;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thụy Thúy Bình

Số: 290/BC-THNVB

Thành phố Thủ Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả triển khai “Thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông” theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh năm học 2022-2023 (Đến thời điểm Tháng 8, 9/2023)

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 28/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 về Thông tư ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Kế hoạch số 289/KH-THNVB ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh về Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2023-2024;

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh đã thực hiện nghiêm túc các nội dung các Quy chế công khai năm học 2023-2024 theo kế hoạch được yêu cầu và báo cáo công khai cụ thể như sau:

I. QUÁN TRIỆT HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUY

- Triển khai đầy đủ nội dung quy chế thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp Hội đồng sư phạm đầu năm ngày 14 tháng 8 năm 2023.

- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

II. THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế



a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2023-2024; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (Theo mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục

Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, đã thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục - Chu kỳ 2 – đạt Mức 1 năm học 2023-2024. Kể từ sau thời điểm được kiểm định chất lượng giáo dục, nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục vào giữa tháng 8 và báo cáo kết quả vào cuối tháng 4 hàng năm.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 08).

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm a, c, d, đ của Khoản 3 Điều 4 của Quy chế.

- Công khai mức thu phí vệ sinh và các khoản thu khác theo từng năm học công khai các khoản chi theo từng năm học theo Quy chế chi tiêu nội bộ (các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo...)

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2023-2024.

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2023-2024.

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn Ngân sách nhà nước năm 2023 .

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024. (kèm theo danh sách của Ủy ban nhân dân Phường Trường Thọ)

2. Hình thức và thời điểm công khai:

2.1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong Hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.
- Công khai trên website của nhà trường: <http://thnguyenvanbanh.hcm.edu.vn>
- Công khai trên phần mềm hệ thống Enetviet.
- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh trong các cuộc họp Cha mẹ học sinh. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2.2. Thời điểm công khai:

*** Từ tháng 8/2024 (tính đến thời điểm hiện tại báo cáo đến tháng 8, 9/2023)**

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 07/8/2024.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (đến tháng 10 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: bắt đầu tháng 6 hàng năm phối hợp với giáo viên chuyên trách phổ cập giáo dục tiếp nhận văn bản chỉ đạo về tuyển sinh Lớp 1 theo số lượng học sinh đúng độ tuổi từng khu phố dựa trên kế hoạch phân tuyến của Phòng giáo dục Đào tạo Thành phố Thủ Đức trước khi nhà trường thực hiện tuyển sinh. Cập nhật thường xuyên văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân Phường Trường Thọ để xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho Hội đồng tuyển sinh; chỉ đạo thành lập nhóm Zalo

CMHS Khối 1 để phổ biến hướng dẫn tuyển sinh trực tiếp, trực tuyến và các thông báo về quy định nộp hồ sơ kịp thời cho CMHS Khối 1 thực hiện.

- Đối với học sinh đang học Khối 2, 3, 4, 5 tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI TẠI ĐƠN VỊ

Nhà trường thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu (đính kèm).

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức.

Các năm học về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm cũng như tiến độ của năm học trước.

Trên đây là báo cáo công khai theo Thông tư 36/2017/TT- ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo yêu cầu của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Ban năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- PGD-ĐT;
- BGH, BTTND;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thụy Thúy Bình

Số: 288/KH-THNVB

Thành phố Thủ Đức, ngày 22 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH
Cải tiến chất lượng giáo dục
Năm học 2023-2024

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để thực hiện trong năm học 2023-2024 nhằm đưa ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.
- Kế hoạch đề ra phải cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương trong việc cải tiến chất lượng giáo dục nhà trường theo từng năm và đảm bảo chu kỳ 5 năm của công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Báo cáo tự đánh giá (giai đoạn từ năm 2015 đến 2020 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh);

Căn cứ Báo cáo đánh giá ngoài;

Căn cứ thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của nhà trường đã đạt được trong năm học 2022 – 2023;

Căn cứ nhu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	Vẫn còn tình trạng buôn bán bên cạnh trường.	Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp giữa nhà trường và các ban ngành, ban điều hành khu	Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, bảo vệ, Ban điều hành Khu phố	Trong năm 2023	Quy chế chi tiêu nội bộ	Vận động thêm nguồn thu xã hội hoá hỗ trợ cho Ban điều hành Khu phố.	

			phổ; thực hiện bản cam kết của cha mẹ học sinh với nhà trường trong việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh,... tại trường, không mua bán hàng rong ngoài cổng trường.					
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên							
	Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	Chưa có giáo viên thể dục, giáo viên âm nhạc, giáo viên mỹ thuật, giáo viên tin học.	Hiệu trưởng tiếp tục giữ vững định biên theo Đề án vị trí việc làm và đồng thời có kế hoạch tuyển dụng bổ sung thay thế những giáo viên về hưu, chuyển đi nhằm đảm bảo có đủ số lượng giáo viên dạy lớp. Tiếp tục tham mưu tuyển dụng 01 giáo viên mỹ thuật, 01 giáo viên âm nhạc, 02 thể dục, 02 giáo viên Tiếng anh, 01 phụ trách đội, 01 tin học trong đợt tuyển dụng viên chức các đợt.	Ban giám hiệu, bộ phận Tổ chức	Năm 2023, 2024	Tự túc	Kế hoạch tuyển dụng của bộ phận tổ chức Phòng Giáo dục Đào tạo và Phòng Nội vụ Thành phố Thủ Đức	
	Tiêu chí 2. 4. Đối với học sinh	Một số học sinh hòa nhập, học sinh cá biệt còn hạn chế trong học tập.	Phó Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu, nghiên cứu tâm sinh lý của học sinh khuyết tật, học sinh cá biệt qua từng ngày, sau đó thực hiện các phương pháp giáo dục phù hợp với từng học sinh; nhà trường - gia đình - địa phương phối hợp thực hiện theo sát các em để động	Ban giám hiệu, Giáo viên, Phụ huynh học sinh, Nhân viên y tế, Bảo mẫu	Năm 2023	Ngân sách của địa phương	Y tế địa phương	

HN

	Tiêu chí 5.3. Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	Các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường, ngoài giờ lên lớp chỉ hơn 60% học sinh tham gia.	Ban Giám hiệu xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh nhằm thu hút học sinh tham gia, rèn luyện. Giáo viên trao đổi với cha mẹ học sinh, vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện.	Hội đồng trường, Giáo viên, đối tác, Cha mẹ học sinh	Năm 2023	Tự túc, xã hội hoá		
--	---	--	---	--	----------	--------------------	--	--

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để đáp ứng các tiêu chuẩn và tiêu chí theo yêu cầu và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường và nhiệm vụ phân công của từng bộ phận, đoàn thể trong nhà trường.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các bộ phận tự khắc phục các điểm yếu đã nêu ra trong báo cáo tự đánh giá của nhà trường theo từng năm.

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể, trong và ngoài nhà trường trong các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm để hướng tới giáo dục học sinh một cách hoàn thiện nhất cả về trí tuệ, thẩm mỹ và đạo đức.

- Chỉ đạo Ban giám sát thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra để đảm bảo phát triển toàn diện nhà trường.

- Chỉ đạo bộ phận Công nghệ thông tin chú ý gia hạn phần mềm kiểm định cho năm học 2023-2024; cập nhật nội dung báo cáo định kỳ hàng năm vào hệ thống để đảm bảo công tác lưu trữ theo yêu cầu.

2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá

- Chú trọng các điểm yếu đã nêu trong báo cáo tự đánh giá để phối hợp các đoàn thể, bộ phận phụ trách khắc phục theo tiến độ đề ra trong 5 năm theo chu kỳ đánh giá ngoài.

- Tham mưu cùng Ban giám hiệu nhà trường, đề xuất các giải pháp, nguồn kinh phí để thực hiện khắc phục các điểm yếu khả thi nhất.

- Phối hợp cùng các bộ phận, đoàn thể theo sát tiến độ thực hiện cải tiến các nội dung ghi nhận cần cải thiện, khắc phục để hỗ trợ, giúp đỡ.

3. Tổ Giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng (báo cáo định kỳ và kiến nghị dựa trên kết quả giám sát).

- Thực hiện các báo cáo định kỳ và kiến nghị gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức đúng thời gian quy định.

- Cập nhật thường xuyên các nội dung cần cải thiện đã được khắc phục, nguồn kinh phí thực hiện theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá ngoài.

- Chịu trách nhiệm giải trình trước Hội đồng tự đánh giá trong quản lý hoạt động giáo dục theo các Tiêu chuẩn của Kiểm định chất lượng giáo dục.

- Căn cứ vào các kế hoạch chi tiết của từng bộ phận, giám sát định kỳ hàng quý (3 tháng/lần) để kịp thời điều chỉnh đảm bảo kế hoạch cải tiến đã đề ra.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng Tự đánh giá và các thành viên Hội đồng tự đánh giá.

- Tham gia giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường theo đúng tiến độ.

- Bộ phận Công nghệ thông tin chú ý gia hạn phần mềm kiểm định cho năm học 2023-2024; cập nhật nội dung báo cáo định kỳ hàng năm vào hệ thống để đảm bảo công tác lưu trữ theo yêu cầu.

- Chủ động phối hợp lẫn nhau trong tập thể sư phạm nhà trường để hỗ trợ hoàn tất kế hoạch cải thiện chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh/.

Nơi nhận:

- Sở/Phòng GDĐT (để b/c);
- HĐ tự đánh giá,
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thủy Thúy Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

Số: 3243 /TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 14 tháng 09 năm 2023

Về xác định nhu cầu, nguồn và phương thức
chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở
theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều
chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã
nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP
ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc thành phố Thủ Đức

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 6167/STC-NS ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh về xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ;

Để có cơ sở tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức báo cáo Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 cho các đơn vị;

Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Thủ Đức đề nghị các đơn vị trực thuộc thành phố Thủ Đức như sau:

1. Về xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 2 Thông tư số 50/2023/TT-BTC; đồng thời, lưu ý một số nội dung sau:

+ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc để xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở là số thực có mặt tại thời điểm **ngày 01**

tháng 7 năm 2023 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt).

+ Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2023; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dôi dư theo quy định của pháp luật.

+ Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 24/2023/NĐ-CP; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Về xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư số 50/2023/TT-BTC.

3. Về phương thức chi trả:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Thông tư số 50/2023/TT-BTC.

Các đơn vị sử dụng ngân sách chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2022, nguồn cải cách tiền lương được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2023 và số thu được để lại theo chế độ quy định năm 2023 để kịp thời chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp tăng thêm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC, nhu cầu thực hiện chế độ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND và chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp các đơn vị có **nhu cầu kinh phí** thực hiện Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP **lớn hơn nguồn kinh phí** theo quy định tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC, các đơn vị tổng hợp báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Thủ Đức để thẩm định trình cấp thẩm quyền xem xét theo quy định.

4. Về chế độ báo cáo:

4.1. Về biểu mẫu:

- Về nhu cầu kinh phí: biểu số 2, 3a, 3b.
- Về nguồn kinh phí: biểu số 4.
- Về tổng hợp kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ: biểu số 5.

4.2. Về thời gian gửi báo cáo:

Các đơn vị báo cáo nhu cầu, nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP, điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP và nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp, phụ cấp khác từ nguồn cải cách tiền lương gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Thủ Đức **chậm nhất ngày 18 tháng 9 năm 2023**.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Thủ Đức để phối hợp giải quyết. Đề nghị các đơn vị khẩn trương phối hợp thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB;
- Lưu: VT, TCKH (NTTD.2b)

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Tấn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN BANH

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ VÀ NHU CẦU MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU LỚP 4 (CÔNG LẬP)
Theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo công văn số: /GDĐT-KHTC ngày / /2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1.	Số lượng Lớp 4:	6
2.	Số học sinh Lớp 4:	270

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Nhu cầu số lượng cần trang bị để đủ cho hoạt động theo	ĐƠN GIÁ MUA THIẾT BỊ ĐỂ TRƯỜNG DỰ KIẾN KINH	Dự kiến kế hoạch đầu tư bổ sung
MÔN TIẾNG VIỆT						
	VIDEO/ CLIP					
1		Video tả con vật, cây cối	Bộ	6.0	340,000	2,040,000
MÔN TOÁN						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
1	Hình học	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán	Cái	6.0	38,000	228,000
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	DỤNG CỤ					
1		BỘ THỰC HÀNH TOÁN LỚP 4 (HS)	Bộ	6.0	32,000	192,000
1.1	Số tự nhiên	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số				
1.2	Phân số	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số				
1.3	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối				
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
1	Hình học	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	Bộ	6.0	115,000	690,000
3	THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT					
3.1	Xác suất	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	Bộ	6.0	41,000	246,000
II MÔ HÌNH						
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1	Phân số	Bộ thiết bị hình học dạy phân số	Bộ	6.0	300,000	1,800,000
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Bộ	6.0	31,000	186,000
2.2	Mét vuông	Bộ thiết bị dạy học dạy đơn vị đo diện tích mét vuông	Bảng	6.0	276,000	1,656,000
MÔN NGOẠI NGỮ						
I	Thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng (lựa chọn 1)					
1		Đài đĩa CD	Chiếc		3,400,000	
2		Đầu đĩa	Chiếc		1,400,000	
3		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Chiếc		24,900,000	
4		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Chiếc		13,000,000	
5		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		6,010,000	
6		Bộ học liệu bằng tranh	Bộ			
7		Bộ học liệu điện tử	Bộ		7,990,000	
II. Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng (lựa chọn 2 - được trang bị và lắp đặt cho 01 phòng học Bộ môn Ngoại ngữ)						
1		Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Chiếc		24,900,000	
2		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		6,010,000	
3		Bộ học liệu bằng tranh	Bộ			
4		Bộ học liệu điện tử	Bộ		7,990,000	
5		Thiết bị cho học sinh	Bộ		5,994,000	
6		Thiết bị dạy cho giáo viên				
6.1		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		14,210,000	
6.2		Khối thiết bị điều khiển của giáo viên	Bộ		55,509,000	
6.3		Phụ kiện	Bộ		21,500,000	
7		Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Bộ		5,200,000	

8		Bàn, ghế dùng cho học sinh	Bộ		3,200,000	
MÔN ĐẠO ĐỨC						
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1	Biết ơn người lao động	Bộ tranh về Biết ơn người lao động	Bộ	6.0	16,800	100,800
2	Chủ đề: Nhân ái					
1	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bộ tranh về Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bộ	6.0	10,500	63,000
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
1	Yêu lao động	Bộ tranh về Yêu lao động	Bộ	6.0	8,400	50,400
4	Chủ đề: Trung thực					
1	Tôn trọng tài sản của người khác	Bộ tranh về tôn trọng tài sản của người khác	Bộ	6.0	8,400	50,400
5	Chủ đề: Trách nhiệm					
1	Bảo vệ của công	Bộ tranh về bảo vệ của công	Bộ	6.0	8,400	50,400
8	Chủ đề: Hoạt động tiêu dùng					
1	Quý trọng đồng tiền	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam	Bộ	6.0	80,000	480,000
9	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
1	Quyền và bổn phận trẻ em	Bộ tranh về quyền trẻ em	Bộ	6.0	21,000	126,000
II	VIDEO/CLIP					
	Chủ đề: Nhân ái					
1	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Video, clip về cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
	Chủ đề: Chăm chỉ					
1	Yêu lao động	Video, clip Yêu lao động	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
	Chủ đề: Trung thực					
1	Tôn trọng tài sản của người khác	Video, clip Tôn trọng tài sản của người khác	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI						
1	Một số đặc điểm của Trái Đất	Quả địa cầu	Quả	6.0	349,000	2,094,000
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1	04DDDYLDB0041KA	Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam (Dành cho Tiểu học)	Tờ	6.0	56,900	341,400
2		Bản đồ hành chính Việt Nam	Tờ	6.0	56,900	341,400
3		Bản đồ các nước và lãnh thổ trên thế giới	Tờ	6.0	56,900	341,400
B	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 4					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1	Thiên nhiên	Bộ tranh/ ảnh: Một số dạng địa hình ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	Bộ	6.0	30,400	182,400
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					
2.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Tranh/ ảnh: Đê sông Hồng	Tờ	6.0	27,100	162,600
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ ảnh: Di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung	Bộ	6.0	30,400	182,400
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ ảnh: Hoạt động kinh tế ở vùng Tây Nguyên	Bộ	6.0	22,800	136,800
4.2	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ ảnh: Lễ hội Công Chiêng Tây Nguyên	Bộ	6.0	54,200	325,200
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Tranh/ảnh: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	Tờ	6.0	27,100	162,600
II	BẢN ĐỒ/LƯỚI ĐỒ/ SƠ ĐỒ					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tờ	6.0	56,900	341,400
1.2		Sơ đồ quần thể khu di tích Đền Hùng	Tờ	6.0	56,900	341,400
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					
2.1		Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	Tờ	6.0	56,900	341,400
2.2	Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Sơ đồ khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Tờ	6.0	56,900	341,400
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1		Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung	Tờ	6.0	56,900	341,400
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					

4.1		Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên	Tờ	6.0	56,900	341,400
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Bản đồ tự nhiên vùng Nam Bộ	Tờ	6.0	56,900	341,400
III	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Video/clip: Một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					
2.1	Sông Hồng và văn minh sông Hồng	Phim tư liệu/mô phỏng: Một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/clip: Một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
3.2	Cố đô Huế	Video/clip: Danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1		Video/clip: Lễ hội cồng chiêng	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/clip: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
D	HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ					
1		Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên	Bộ		9,150,000	
MÔN TIN HỌC						
I	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC					
1		Máy chủ	Bộ		15,052,000	
2		Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay	Bộ		14,739,000	
3		Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Bộ		24,000,000	
4		Bàn để máy tính, ghế ngồi	Bộ		3,200,000	
5		Hệ thống điện	Hệ thống		20,000,000	
6		Tủ lưu trữ	Cái		5,800,000	
7		Máy in Laser	Chiếc		4,800,000	
8		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Chiếc		22,440,000	
9		Điều hòa nhiệt độ/ Quạt điện	Bộ		28,000,000	
10		Thiết bị lưu trữ ngoài	Cái		3,000,000	
11		Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Bộ		1,050,000	
12		Máy hút bụi	Cái		2,500,000	
13		Bộ lưu điện	Bộ		2,700,000	
MÔN CÔNG NGHỆ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật gồm có:	Bộ			
1.1		Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật (phần cơ bản)	Bộ	6.0	86,000	516,000
1.2		Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật (phần nâng cao)	Bộ	6.0	590,000	3,540,000
2		Bộ dụng cụ thủ công	Bộ	6.0	193,000	1,158,000
3		Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây cảnh	Bộ		393,000	
4		Máy thu thanh	Bộ		643,000	
5		Ti vi (Màn hình hiển thị)	Bộ		26,400,000	
6		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ		13,000,000	
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	Tranh ảnh					
	Trồng hoa và cây cảnh trong chậu					
1		Quy trình các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu	Tờ	6.0	27,100	162,600
III	VIDEO/CLIP					
1	Lắp ghép mô hình kĩ thuật					
1		Lắp ráp mô hình kĩ thuật	Bộ	6.0	340,000	2,040,000
MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Đồng hồ bấm giây	Chiếc		374,000	
2		Còi	Chiếc	18.0	6,000	108,000
3		Thước dây	Chiếc	6.0	79,000	474,000
4		Cờ lệnh thể thao	Chiếc		24,000	

5		Biển lật số	Bộ		588,000	
6		Nắm thể thao	Chiếc	40.0	15,000	600,000
7		Bơm	Chiếc		337,000	
8		Dây nhảy cá nhân	Chiếc		25,000	
9		Dây nhảy tập thể	Chiếc		29,000	
10		Dây kéo co	Cuộn		1,170,000	
II THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ						
1	Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản					
1.1		Cầu thăng bằng thấp	Bộ		3,391,000	
2	Bài thể dục					
2.1		Hoa	Chiếc		54,000	
2.2		Vòng	Chiếc		55,000	
2.3		Gậy	Chiếc		37,000	
III THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN						
<i>(Chỉ trang bị những dụng cụ/thiết bị tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)</i>						
1	Bóng đá					
1.1		Quả bóng đá	Quả		218,000	
1.2		Cầu môn (bóng đá)	Bộ		6,251,000	
2	Bóng rổ					
2.1		Quả bóng rổ	Quả		160,000	
2.2		Cột, bảng bóng rổ	Bộ		7,031,000	
3	Bóng chuyền hơi					
3.1		Quả bóng chuyền	Quả		95,000	
3.2		Cột, lưới bóng chuyền	Bộ		3,086,000	
4	Đá cầu					
4.1		Quả cầu đá	Quả		21,000	
4.2		Cột và lưới đá cầu	Bộ		1,872,000	
5	Cờ vua					
5.1		Bàn và quân cờ	Bộ		256,000	
5.2		Bàn và quân cờ treo tường	Bộ		1,696,000	
6	Võ					
6.1		Địch đấm, đá (cầm tay)	Chiếc		124,000	
6.2		Thảm xếp	Tấm		386,000	
7	Bơi					
7.1		Phao bơi	Chiếc		222,000	
7.2		Sào cứu hộ	Chiếc		443,000	
7.3		Phao cứu sinh	Chiếc		156,000	
8	Thể dục Aerobic					
8.1		Thảm xếp	Tấm		386,000	
8.2		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		5,720,000	
9	Khiêu vũ thể thao	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		5,720,000	
MÔN KHOA HỌC						
I	Tranh, ảnh					
1	Chất					
1.1	Nước	Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên	Bộ	6.0	31,300	187,800
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Bộ tranh về bảo vệ mắt	Bộ	6.0	10,500	63,000
3	Thực vật và động vật					
3.1	Nhu cầu sống của thực vật và động vật	Sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường	Bộ	6.0	30,600	183,600
4	Con người và sức khỏe					
4.1	Dinh dưỡng ở người	Tháp dinh dưỡng	Tờ	6.0	27,100	162,600
II Video/clip						
1	Chất					
1.1	Nước	Xử lí nước cấp cho sinh hoạt	Bộ	6.0	340,000	2,040,000
III Dụng cụ						
1	Chất					
1.1	Không khí	Hộp đổi lưu	Bộ	6.0	515,000	3,090,000
1.2	Không khí	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	Bộ	6.0	138,000	828,000
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Hộp thí nghiệm "Vai trò của ánh sáng"	Bộ	6.0	207,000	1,242,000
2.4	Nhiệt	Nhiệt kế	Cái	6.0	18,000	108,000
2.5	Nhiệt	Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể	Cái	6.0	138,000	828,000

1.1		Bộ dụng cụ vệ sinh trường học (Bộ dụng cụ lao động)	Bộ		332,000	
		Bộ dụng cụ vệ sinh lớp học (Bộ dụng cụ lao động)	Bộ		282,000	
		Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng (Bộ dụng cụ lao động)	Bộ		330,000	
1.2		Bộ dụng cụ lều trại	Bộ		10,110,000	
		THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1		Bảng nhóm	Chiếc	48.0	35,000	1,680,000
2		Bảng phụ	Chiếc	6.0	77,000	462,000
3		Tủ/giá đựng thiết bị	Chiếc		7,087,000	
4		Nam châm	Chiếc	120.0	4,000	480,000
5		Nẹp treo tranh	Chiếc		48,000	
6		Giá treo tranh	Chiếc		740,000	
7		Thiết bị thu phát âm thanh	Bộ		5,720,000	
7.1		Đài đĩa	Chiếc		3,400,000	
7.2		Loa cầm tay	Chiếc		1,569,000	
7.3		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		5,720,000	
8		Thiết bị trình chiếu				
8.1		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ		12,000,000	
8.2		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ		22,440,000	
8.3		Đầu DVD	Chiếc		1,400,000	
8.4		Máy chiếu vật thể	Chiếc		17,600,000	
9		Máy in	Chiếc		4,800,000	
10		Máy ảnh (hoặc Máy quay)	Chiếc		13,000,000	
11		Cân	Chiếc		1,648,000	
12		Nhiệt kế điện tử	Cái		1,648,000	
		Tổng cộng				53,460,600

Tà hành phố Thủ Đức, ngày 27 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thụy Thúy Bình

2.6	Năm	Kính lúp	Chiếc	6.0	22,000	132,000
IV	Thiết bị phòng học bộ môn					
1		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ		22,440,000	
MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)						
I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu					
1		Trống nhỏ	Bộ		138,000	
2		Song loan	Cái	60.0	31,000	1,860,000
3		Thanh phách	Cặp	210.0	11,000	2,310,000
4		Triangle (Tam giác chuông)	Bộ		68,000	
5		Tambourine (Trống lục lạc)	Cái		373,000	
6		Bells Instrument	Cái		131,000	
7		Maracas	Cặp		40,000	
8		Woodblock	Cái		87,000	
II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu					
1		Kèn phím	Cái		827,000	
2		Recorder	Cái		74,000	
3		Xylophone	Cái		1,140,000	
4		Handbells	Bộ		809,000	
5		Electric keyboard (đàn phím điện tử)	Cây		11,350,000	
III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung					
1		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		5,720,000	
MÔN NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT)						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (Trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Bảng vẽ cá nhân	Cái		30,000	
2		Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Cái		231,000	
3		Bục đặt mẫu	Cái		318,000	
4		Các hình khối cơ bản	Bộ		808,000	
5		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Bộ		13,000,000	
6		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Bộ		22,440,000	
7		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Bộ		5,720,000	
8		Kẹp giấy	Hộp		25,000	
9		Tủ/giá	Cái		7,087,000	
10		Bút lông	Bộ		125,000	
11		Bảng pha màu (Palet)	Cái		44,000	
12		Xô đựng nước	Cái		101,000	
13		Tạp dề	Cái		71,000	
14		Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Bộ		20,000	
15		Đất nặn	Hộp		2,849,000	
16		Màu Goát (Gouache colour)	Bộ		809,000	
II	TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN(Trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Tranh vẽ màu sắc	Tờ		27,100	
2		Bảng yếu tố và nguyên lý tạo hình	Tờ		27,100	
3		Hoa văn, họa tiết dân tộc	Bộ		54,200	
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I		Bộ học liệu điện tử	Bộ		5,260,000	
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	TRANH ẢNH					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1		Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Bộ	6.0	57,000	342,000
2		Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam	Bộ	6.0	80,000	480,000
3		Bộ thẻ các hoạt động trong ngày của em	Bộ	6.0	114,000	684,000
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
1		Bộ thẻ Gia đình em	Bộ	6.0	140,000	840,000
II	VIDEO/CLIP					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1		Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
1		Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
3	Hoạt động hướng đến tự nhiên					
1		Video về Phong cảnh đẹp quê hương	Bộ	6.0	170,000	1,020,000
III	DỤNG CỤ					
1	Hoạt động hướng nghiệp					

DỰ TOÁN KINH PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

ĐVT: ngàn đồng

STT	Tên tài sản cần bảo dưỡng, sửa chữa	Chủ đầu tư	Thời gian bảo dưỡng, sửa chữa gần nhất	Lý do, mục tiêu	Khối lượng/Quy mô	Dự kiến chi phí	Thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành	Nguồn vốn				Ghi chú
								Tổng	Nguồn trí từ phí được để lại	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách thành phố Thủ Đức	
TỔNG CỘNG						1,005,000	0	1,005,000	30,000	375,000	600,000	
1	Sửa chữa nhà vệ sinh: thay bồn, thay cửa, vòi nước...	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	40,000	Năm 2024	40,000		40,000		BẢN TRÚ, TBVDPVBT, buổi 2
2	Vật tư sửa chữa nhỏ, hệ thống nước :sửa máy bơm, vòi, van, cần xả, bồn cầu, hút hầm cầu...	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	30,000	Trong năm	30,000	30,000			BẢN TRÚ, TBVDPVBT, buổi 2
3	Sửa chữa, nâng cấp, thay thế thiết bị máy tính, ti vi dạy học	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	40,000	Trong năm	40,000		40,000		
4	Vật tư sửa chữa hệ thống điện lớp học : đường dây, cầu chì, bóng đèn, quạt ...	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Đảm bảo an toàn cho HS và phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	30,000	Trong năm	30,000		30,000		BẢN TRÚ, TBVDPVBT, BUỔI 2, AV, Tin
5	Sửa chữa nhỏ : Sơn phòng học, dặm và ốp tường, dặm gạch nền, gia cố lan can, la phong, thay tôn, chống thấm, chống dột ...	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	60,000	Trong năm	60,000		60,000		BẢN TRÚ, TBVDPVBT, BUỔI 2, AV, Tin
6	Bàn ghế học sinh, Kệ, tủ văn phòng, tủ ĐDDH	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	25,000	Trong năm	25,000		25,000		
7	Làm đế can-bảng hiệu, kẻ bảng từ, Cảnh quan và trồng cây xanh ...	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	30,000	Trong năm	30,000		30,000		
8	Bảo trì camera quan sát, mạng internet	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Quản lý HS và phục vụ dạy học. Đảm bảo an toàn	Sửa chữa nhỏ	30,000	Trong năm	30,000		30,000		
9	Sửa chữa, bảo trì hệ thống âm thanh, loa	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Quản lý HS và phục vụ dạy học. Đảm bảo an toàn	Sửa chữa nhỏ	30,000	Trong năm	30,000		30,000		
10	Mái che bằng lưới	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Quản lý HS và phục vụ dạy học. Đảm bảo an toàn	Sửa chữa nhỏ	50,000	Trong năm	50,000		50,000		
11	Cải tạo sửa chữa nhà kho	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	Sửa chữa nhỏ	40,000	Trong năm	40,000		40,000		
12	Cải tạo sửa chữa phòng dạy Tin học	Trường Th Nguyễn Văn Banh		Phục vụ dạy học	1 phòng học 48m2	320,000	tháng 6-7/2024	320,000			320,000	
13	Sửa chữa hệ thống quạt, đường điện các lớp học,	Trường Th Nguyễn Văn Banh	Hệ thống điện đã cũ	Đảm bảo an toàn cho HS và phục vụ dạy học	29 phòng học và các phòng chức năng	280,000	tháng 6-7/2024	280,000			280,000	

Ngày 4 tháng 08 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên và đóng dấu)